

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/DS-PT

Ngày 04/02/2026

*“Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hành .

Các Thẩm phán: Bà Dương Thị Vân và Ông Nguyễn Công Diễm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồ Huyền Trâm – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Trương Thị Thanh Thuỷ – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025 /TLPT-DS ngày 21/11/2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025 /DS-ST ngày 31/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2025/QĐXXPT-DS ngày 24/12/2025 của TAND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐPT-DS ngày 08/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hữu L - sinh năm 1983; cư trú tại thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

Đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Thị Như H – sinh năm 2001; cư trú tại B N, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (*theo văn bản uỷ quyền ngày 15/9/2025*). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức P - sinh năm 1993; cư trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Hữu L – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự,

người đại diện hợp pháp, vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L trình bày:

Ngày 02/01/2024 bà Trần Thị Hữu L có cho ông Nguyễn Đức P vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay tiền là 5%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 năm, chậm nhất ngày 02/01/2025, tiền lãi trả theo tháng, tiền gốc trả cuối kỳ. Khi cho vay bà L giữ của ông P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất do ông P làm chủ sở hữu để làm tin. Từ đó đến nay ông P không trả tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Đến hạn trả nợ, bà L yêu cầu ông P trả nợ cả gốc và lãi nhưng ông P không trả. Sau khi đòi nợ nhiều lần nhưng ông P vẫn không trả.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2025 bà L yêu cầu ông P trả 100.000.000 đồng tiền gốc; tiền lãi trong hạn 60.000.000 đồng; tiền phạt trên lãi chậm trả 60.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 250.000.000 đồng

Tại phiên tòa bà Trần Thị Hữu L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 28/8/2025 là $20\%/năm \times 19 \text{ tháng} = 31.000.000$ đồng, tiền phạt trên tiền lãi chậm trả là 60.000.000 đồng, tổng cộng: 191.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Đức P trình bày:

Ông Nguyễn Đức P thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền và hiện nay còn nợ bà L 100.000.000 đồng tiền gốc như bà L trình bày. Tuy nhiên khi vay tiền bà L tính lãi suất 05%/tháng là quá cao nên ông không đồng ý trả lãi theo mức lãi suất này, chỉ đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Nay bà L yêu cầu trả lãi trong hạn thì ông đồng ý trả, còn tiền phạt trên tiền lãi chậm trả là 60.000.000 đồng thì ông không đồng ý trả.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L. Buộc ông Nguyễn Đức P phải trả cho bà Trần Thị Hữu L tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà L về trả tiền lãi trong hạn vượt quá thời hạn vay tài sản từ ngày 03/01/2025 đến ngày 28/8/2025 là 11.000.000

đồng (Mười một triệu đồng) và trả tiền phạt trên tiền lãi chậm trả 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2025, nguyên đơn là bà Trần Thị Hữu L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo, bổ sung yêu cầu ông P trả cho bà L tiền lãi chậm trả trong 01 năm tính đến ngày 02/01/2026 là 36.000.000 đồng và không yêu cầu ông P trả tiền phạt trên tiền lãi chậm trả là 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá toàn bộ các tình tiết, chứng cứ Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L về số tiền lãi chậm trả là 4.000.000 đồng; Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L về việc bà L tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 569821 Số vào sổ cấp GCN: CS 03775 cho ông P sau khi ông P trả xong cho bà L tiền gốc và tiền lãi. Các nội dung khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng. Kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật định, nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L:

[2.1] Đối với việc bà Trần Thị Hữu L cho rằng Tòa án nhân dân khu vực 6

– Quảng Ngãi cố tình không giao bản án, không trích lục Bản án cho bà là vi phạm pháp luật.

Xét thấy, ngày 31/8/2025, nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L có mặt tại phiên toà được ghi nhận tại bản án số 08/2025/DS-ST ngày 31/8/2025 và biên bản phiên toà cùng ngày. Tại phiếu báo phát thể hiện nội dung tổng đạt bản án dân sự sơ thẩm cùng với Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án cho bà có mã số 573500 phát đi ngày 17/9/2025 là quá thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm bà có mặt và được HĐXX phổ biến về quyền và nghĩa vụ của mình, phổ biến về quyền kháng cáo. Ngày 13/9/2025, bà đã thực hiện quyền kháng cáo của mình trong thời hạn quy định. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuy có vi phạm về thời gian phát hành bản án nhưng vẫn đảm bảo cho bà biết và thực hiện được quyền kháng cáo của mình. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, thực hiện việc phát hành bản án, cấp trích sao bản án đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hữu L và bị đơn ông Nguyễn Đức P đều thừa nhận rằng ngày 02/01/2024 bà L có cho ông P vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay tiền là 05%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 năm, chậm nhất ngày 02/01/2025, tiền lãi trả theo tháng, tiền gốc trả cuối kỳ nhưng đến nay ông P vẫn chưa trả lãi và gốc cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng là có cơ sở nên được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi trong hạn tính đến ngày 28/8/2025 là $20\% \times 19 \text{ tháng} = 31.000.000 \text{ đồng}$, xét thấy:

Bà L yêu cầu ông P trả lãi trên nợ gốc trong thời hạn với mức lãi suất 20%/năm, thời hạn vay theo hợp đồng là 12 tháng (01 năm). Như vậy, bà L chỉ có quyền yêu cầu ông P trả lãi trên nợ gốc tương ứng với thời hạn vay theo hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu của bà L đối với ông P về việc ông P có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn đối với 12 tháng theo hợp đồng vay (từ ngày 02/01/2024 đến ngày 02/01/2025) là $20\% \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 20.000.000 \text{ đồng}$; không chấp nhận khoản lãi từ ngày 03/01/2025 đến ngày 28/8/2025 với số tiền 11.000.000 đồng không nằm trong thời hạn vay của hợp đồng là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[2.4] Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung nội dung kháng cáo, yêu cầu ông P trả cho bà L tiền lãi chậm trả trong 01 năm tính

đến ngày 02/01/2026 là 36.000.000 đồng, xét thấy:

Đối với yêu cầu này, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không có yêu cầu mà lại kháng cáo nội dung này tại cấp phúc thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX không xem xét kháng cáo đối với nội dung này.

[2.5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu tính tiền phạt trên tiền lãi chậm trả là 60.000.000 đồng, xét thấy việc rút yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Xét việc bà Trần Thị Hữu L hiện đang giữ 01 GCNQSDĐ số DD569821, số vào sổ cấp GCN: CS03775, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 14/2/2022, ngày 12/12/2023 đã được chỉnh lý biến động thông qua giao dịch tặng cho cho ông Nguyễn Đức P. Tại hợp đồng cho vay tiền ngày 02/01/2024 cũng thể hiện nội dung này. HĐXX thấy rằng, khi vay tiền ông P có giao cho bà L giữ 01 GCNQSDĐ nêu trên để đảm bảo khoản vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Hữu L tự nguyện trả lại GCNQSDĐ nêu trên cho ông P sau khi ông P trả xong cho bà L tiền gốc và tiền lãi. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy việc tự nguyện trả lại GCNQSDĐ của bà L là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà L và sửa bản án dân sự sơ thẩm về nội dung này.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị Hữu L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về nội dung bà Trần Thị Hữu L yêu cầu ông Nguyễn Đức P trả cho bà tiền phạt trên tiền lãi chậm trả 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị

Hữu L. Buộc ông Nguyễn Đức P phải trả cho bà Trần Thị Hữu L tổng cộng số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà L về trả tiền lãi trong hạn vượt quá thời hạn vay tài sản từ ngày 03/01/2025 đến ngày 28/8/2025 là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và trả tiền phạt trên tiền lãi chậm trả 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Hữu L trả lại cho ông Nguyễn Đức P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD569821, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS03775, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 14/2/2022, ngày 12/12/2023 đã được chỉnh lý biến động thông qua giao dịch tặng cho cho ông Nguyễn Đức P, sau khi ông P trả đủ tiền gốc và lãi cho bà Trần Thị Hữu L.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Hữu L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.550.000 đồng (Ba triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng). Được khấu trừ 6.250.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) bà L đã nộp tại biên lai số 0000966 ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi). Hoàn trả cho bà Trần Thị Hữu L số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Buộc ông Nguyễn Đức P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Hữu L không phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001185 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND, P.THADS KV 6 - QN;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

